

Bản tu chính ngày 28-6-2010

**TỪ “BÃI CÁT VÀNG”, “VẠN LÝ TRƯỜNG SA” CHO ĐẾN
HOÀNG SA-TRƯỜNG SA NGÀY NAY LÀ CỦA VIỆT NAM**

Đình Kim Phúc

Ngày 7/5/2009, Chính phủ Việt Nam đã trình Ủy ban Ranh giới thềm lục địa (Commission on the Limits of the Continental Shelf - CLCS) của Liên Hợp Quốc báo cáo quốc gia xác định ranh giới thềm lục địa nằm ngoài phạm vi 200 hải lý tính từ đường cơ sở của Việt Nam.

Trước đó, ngày 6/5/2009, Việt Nam và Malaysia cũng đã phối hợp trình CLCS báo cáo chung về khu vực thềm lục địa kéo dài liên quan đến hai nước. Việc trình các báo cáo này là để thực hiện các quy định liên quan của Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea -UNCLOS).

Ngày 9/5/2009, Đài phát thanh quốc tế Trung Quốc (CRI) đưa tin: “Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc Mã Chiêu Húc ngày 8 trả lời câu hỏi của báo chí về việc Việt Nam đơn phương trình “Phương án hoạch định vùng thềm lục địa ngoài khơi” lên Ủy ban phân giới vùng thềm lục địa cho biết, phương án của Việt Nam đã xâm phạm nghiêm trọng đến chủ quyền, quyền lợi chủ quyền và quyền quản lý của Trung Quốc, là phi pháp và vô hiệu.

Được biết, Malaysia và Việt Nam ngày 6 đã phối hợp trình “Phương án hoạch định vùng thềm lục địa ngoài khơi” 200 hải lý lên Ủy ban phân giới vùng thềm lục địa, Việt Nam ngày 7-5 đơn phương trình “Phương án hoạch định vùng thềm lục địa ngoài khơi” trên Biển Nam Trung Hoa.

Ông Mã Chiêu Húc cho biết, Trung Quốc có chủ quyền không thể tranh cãi đối với các đảo và vùng biển xung quanh trên Biển Nam [Trung Hoa] bao gồm cả Quần đảo Tây Sa và Nam Sa, có quyền lợi chủ quyền và quyền quản lý đối với vùng biển và đáy biển của vùng biển liên quan. Phái đoàn Trung Quốc thường trực tại Liên Hợp Quốc đã gửi công hàm cho Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc về “phương án hoạch định” nói trên căn cứ theo các quy định liên quan của “Công ước quốc tế về Luật biển của Liên Hợp Quốc” và “Nguyên tắc làm việc của Ủy ban phân giới vùng thềm lục địa”, trình bày rõ lập trường nghiêm khắc của Chính phủ Trung Quốc, trình trọng yêu cầu Ủy ban này không xem xét “phương án hoạch định” nói trên”.

Đúng là miệng lưỡi Thiên triều!

Để phụ họa thêm cho những quan điểm không đúng của nhà nước Trung Quốc, các học giả Trung Quốc trong thời gian gần đây đã đưa ra các “bằng chứng” về chủ quyền của họ trên biển Đông như: Thời Tần (từ năm 221 trước công nguyên đến năm 207 trước công nguyên), đã thành lập Quận Nam Hải quản lý nhiều đảo tại biển Hoa Nam trong đó bao gồm cả quần đảo Tây Sa; thời Hán (từ năm 206 trước công nguyên đến năm 220 sau công nguyên), từng cử các chuyên gia biển tới tuần tra khu vực Tây Sa; Thời Lưu Tống (từ năm 420 – 479 sau công nguyên) đã đưa quần đảo Tây Sa vào phạm vi tuần biển của Thủy quân Quảng Nam; Thời Nguyên (1271 – 1368), Quách Thủ Kính từng tiến ra biển Hoa Nam đo đạc và trong bản đồ “Quảng Hưng” vẽ ra sau đó đã đánh dấu quần đảo Tây Sa và gọi là khu vực “Thiên Lý Trường Sa”; Thời Minh (1368 – 1644), khi Trịnh Hoà đến Đại Tây Dương đều nghỉ ngơi tại Tây Sa...

Như chúng ta đã biết, nhiều lần các tác giả Trung Hoa đã khẳng định rằng mình đã khám phá ra hai quần đảo tranh chấp từ đời nhà Hán. Tuy nhiên, có tác giả Trung Hoa lại xác định là những tài liệu sớm nhất ghi chép sinh hoạt của người Trung Hoa trên những đảo này, thuộc đời nhà Tống (thế kỷ X-XIII).

1. Giới hạn cương vực vùng Hoa Nam của Trung Quốc

Bộ *Hải ngoại Ký sự* của nhà sư Thích Đại Sán đã được nhiều người biết đến khi nghiên cứu quan hệ quốc tế của Đại Việt vào thế kỷ XV-XVII. Tác giả là một nhà sư đời Khang Hy đã đến đất Thuận Hóa dưới triều Nguyễn Phúc Chu ngày 13/3/1695 và rời chùa Thiên Lâm vào Hội An để về Quảng Đông ngày 7/8/1695.

Đọc các đoạn văn tại quyển III của *Hải ngoại Ký sự*, chúng ta có thể nhận thấy rằng trong thế kỷ XVII chủ quyền VN trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được quản lý dưới nhiều hình thức khác nhau:

“Khách có người bảo mùa gió xuôi trở về Quảng Đông chừng vào độ nửa tháng trước và sau ngày lập Thu. Chừng ấy gió Tây Nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chừng 4,5 ngày đêm có thể đến Hồ Môn.

Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng Đông, sức gió Nam yếu, không chống nổi dòng nước chảy mạnh về phía Đông, lúc đó sẽ khó giữ được sự yên ổn.

Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ Đông Bắc qua Tây Nam; Động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển; mặt cát khô rắn như sắt, rui thuyền chạm phải ắt tan tành; bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là “Vạn lý Trường Sa”, mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa; Nếu thuyền bị trái gió trái nước tấp vào dầu không tan nát cũng không gạo, không nước, trở thành ma đói mà thôi.

Khoảng cách đến Đại Việt là bảy canh đường, bảy canh bằng khoảng 700 dặm. Các quốc vương thời trước, hàng năm sai thuyền đi đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các tàu thuyền hư hỏng dạt vào.

Mùa thu nước dòng cạn rút về hướng Đông bị một ngọn sóng đưa đi, thuyền có thể trôi xa hàng trăm dặm, gặp khi gió mạnh, càng sợ gặp hiểm họa Trường Sa.⁽¹⁾

Khảo sát tất cả bản đồ cổ của Trung Quốc từ năm 1909 trở về trước, người ta thấy tất cả bản đồ cổ nước Trung Quốc do người Trung Quốc vẽ không có bản đồ nào có ghi các quần đảo Tây Sa, Nam Sa. Tất cả bản đồ cổ ấy đều xác định đảo Hải Nam là cực nam của biên giới phía Nam của Trung Quốc.

Phía Trung Quốc cũng đã đưa ra những tài liệu để chứng minh rằng mình đã khám phá và hành xử chủ quyền trước tiên. Tuy nhiên, những tài liệu này chỉ cho thấy những thuyền bè của Trung Quốc thời đó đã lui tới biển Đông, và trong lộ trình, họ tình cờ thấy những đảo mang nhiều tên khác nhau, nhưng không có đảo nào tên là Xisha hay Nansha. Nếu đặt giả thuyết là Trung Quốc đã khám phá ra những đảo này, thì Trung Quốc đã không hành xử chủ quyền trên đó. Sự hiện diện của những người đánh cá không đủ để gọi rằng đó là hành xử chủ quyền của nhà nước. Do đó, những luận cứ và luận chứng chủ quyền lịch sử mà Trung Quốc khẳng định mình có là rất yếu. Phần lớn các tác giả luật gia chuyên về luật quốc tế, trừ những tác giả Trung Hoa, đều công nhận điều này.

Hạm trưởng Chauvaire thuộc Hải quân Pháp đã kể lại trong một bài viết được đăng trong báo *La Nature*: “Nhắc lại chuyện hai chiếc pháo đĩnh nhỏ bé của tỉnh Quảng Đông mang hiệu kỳ Đề đốc Lý Chuẩn đến Hoàng Sa trong năm 1909, ghé lại quần đảo một khoảng thời gian không quá 24 giờ. Vậy mà đến ngày 20/6/1909, đại nhật báo Quảng Đông, tờ *Kouo Che Pao* cho đăng tin lớn...”⁽²⁾.

Những dữ liệu kể trên chúng tôi thấy phù hợp với tất cả các bản đồ mà các nhà hàng hải phương Tây và kể cả bản đồ của Trung Quốc đương thời đã miêu tả cương vực vùng Hoa Nam của Trung Quốc từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XX.

Bản đồ 1:



Bản đồ Trung Quốc năm 1625 của Samuel Purchas

[Ấn tượng sâu đậm về bản đồ Trung Quốc của ông Purchas, bản đồ được nhiều người xem như là bản đồ đầu tiên của Trung Quốc xuất bản ở châu Âu, bắt nguồn trực tiếp từ các nguồn ở Trung Quốc.

Bản đồ hiếm hoi bằng tiếng Anh và quan trọng xuất hiện rất sớm này là mô hình cho các bản đồ sau này của De Bry và Semedo. Nó được xuất bản lần đầu tiên trong *Purchas his Pilgrimes*, bộ sưu tập các tác phẩm du lịch, dựa trên công việc của nhà địa lý nổi tiếng, ông Richard Hakluyt (1552-1616). Purchas đã ghi lại rằng bản đồ của ông ban đầu dựa vào bản đồ Trung Quốc, ghi lại bởi Captain Saris, một thương gia người Anh tại cảng Bantam (Indonesia). Có thể bản đồ Trung Quốc này là “Cao Map” năm 1593, bản đồ mà hiện tại chỉ có một bản duy nhất làm ví dụ. Các hình vuông và hình tròn mô tả các thành phố và các khu định cư. Các tỉnh của Trung Quốc được đánh dấu và ranh giới cho thấy, có lẽ lần đầu tiên nó có trên bản đồ phương Tây. Lưu ý rằng Macau và Quảng Châu đều được đặt tên. Các họa tiết ở các góc đã vẽ Matteo Ricci và một cặp vợ chồng Trung Quốc].

(Nguồn:http://www.raremaps.com/gallery/detail/23040/The_Map_of_China/Purchas.html)

Bản đồ 2:



China Veteribus Sinarum regio nunc Incolis Tame dieta năm 1636 của Hondius, Jodocus & Jansson, Jan

[Một bản đồ khu vực thanh lịch được chạm khắc với phần phía đông của Trung Quốc (phía tây bắc giáp ranh với Vạn Lý Tường Thành) trong đó có nhiều hồ lớn. Chaimay Lacus hư cấu cho thấy có nhiều con sông chảy về phía Nam vào Ấn Độ và Xiêm. Hàn Quốc được mô tả là một hòn đảo có hình dạng kỳ lạ ngăn cách với đất liền bằng một eo biển hẹp. Đài Loan nằm ở vị trí khá chính xác, cả hai được đặt tên là Pagan al I. Formosa và Tayoan. Tuy nhiên, Hàn Quốc vẫn còn là một hòn đảo, và Nhật Bản gồm ba hòn đảo. Bản đồ được trang trí với nhiều con tàu châu Âu chạy bằng buồm và những chiếc thuyền tam bản của Trung Quốc, trang trí các khoảng cách cố định, và tiêu đề được vẽ hình xoắn ốc, hai bên là một người đàn ông và một người phụ nữ Trung Quốc. Dựa trên các cuộc điều tra của các thầy tu dòng Tên, bản đồ đại diện cho phiên bản chính tiếp theo trong bản đồ học của Trung Quốc, theo sau bản đồ Ortelius 1584].

(Nguồn: http://www.old-church-galleries.com/stock_9711.asp)

Bản đồ 3:



Bản đồ Trung Quốc năm 1655 của Blaeu/Martini

[Bản đồ Trung Quốc do nhà xuất bản Blaeu phát hành, dựa trên dòng Tên Martini. Amsterdam phát hành lần đầu năm 1655. Kỹ thuật: khắc bằng đồng]

(Nguồn: www.helmink.com/Antique_Map_Blae...hina.jpg)

Bản đồ 4:

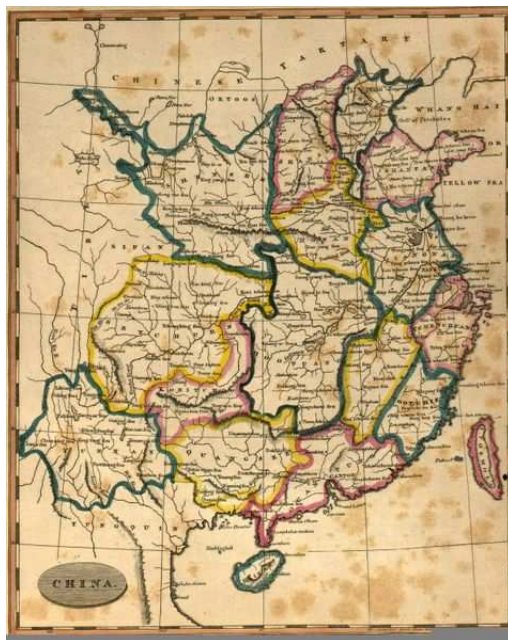


Bản đồ Trung Quốc năm 1781 của Bellin, J.N

[Bản đồ Trung Quốc với Hàn Quốc và Đài Loan. Tiêu đề trang trí theo hình xoắn ốc ở ba góc. Phát hành không phổ biến của Ý. Các thị xã, thành phố chính được thấy với một điểm màu đỏ (Hàn Quốc ở phía bắc với các khu định cư chính. Sông và núi cho thêm chi tiết địa hình). Đảo Hải Nam được tô màu xanh và là giới hạn phía Nam của Trung Quốc].

Nguồn: (<http://www.swaen.com/antique-map-of.php?id=9652>)

Bản đồ 5:



Bản đồ năm 1812 của Trung Quốc (mười tám tỉnh) của Arrowsmith và Lewis, được in ở Boston bởi Thomas & Andrews

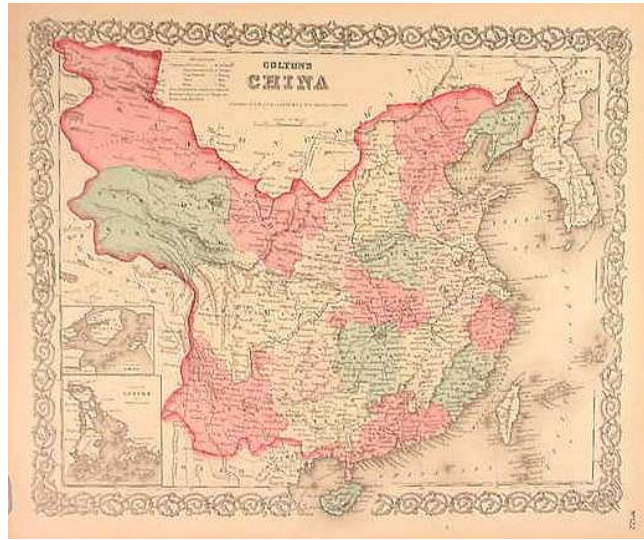
[Mặc dù được vẽ từ năm 1812, bản đồ này không thể hiện chính xác Trung Quốc (mười tám tỉnh) vào năm 1812.

- Giang Nam, Hồ Quảng, và Sơn Tây đã bị phá vỡ hồi thế kỷ 17 thành Giang Tô và An Huy, Hồ Bắc và Hồ Nam, Cam Túc và Sơn Tây. Điều này không thể hiện trên bản đồ, mặc dù xảy ra trước đó khoảng 150 năm.

- Hải Nam và Đài Loan được thể hiện như là các tỉnh (có lẽ, vì màu sắc của nó khác nhau). Thực tế, Đài Loan đã là một tỉnh hồi năm 1885, hơn 70 năm sau khi bản đồ này đã được lập ra, trong khi Hải Nam trở thành một tỉnh hồi năm 1988, hơn 170 năm sau khi bản đồ này được lập].

(Nguồn: http://maps.library.umass.edu/raster/other_historical/arrow.html)

Bản đồ 6:



Bản đồ Trung Quốc năm 1855 của J.H. Colton
(Nguồn: <http://www.philaprintshop.com/china.html>)

Bản đồ 7:



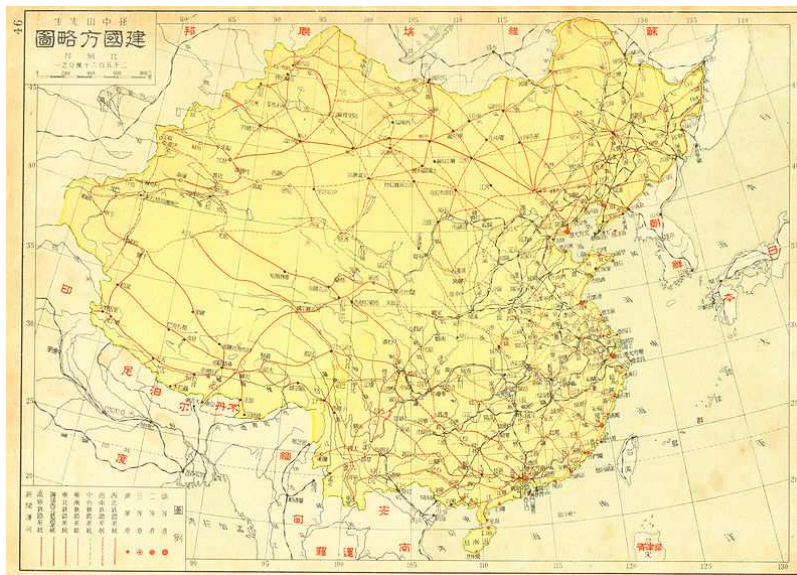
Bản đồ Trung quốc năm 1910 (thời Nhà Thanh).

[Bản đồ rõ ràng không phải của Trung Quốc mà do người phương Tây vẽ về thời nhà Thanh, Trung đế quốc vào năm 1910, một năm sau chủ quyền của Trung Quốc bị đe dọa và bị bao vây hơn 70 năm. Trong Bản đồ năm 1910 này, được vẽ một năm trước khi hoàng đế cuối cùng của nhà Thanh, Tuyên Thống (còn có tên Aisin-Gioro Pu Yi) thoái vị và cuối cùng đã kết thúc giai

đoạn lịch sử phong kiến Trung Quốc, Trung Quốc được vẽ với ranh giới và sự xác định nhỏ nhất. Đáng chú ý là vùng Đông Bắc (Mãn Châu), và Nội Mông, cả hai vùng lãnh thổ trên danh nghĩa do Trung Quốc kiểm soát và thuộc chủ quyền của Trung Quốc được vẽ như các khu vực riêng biệt].

(Nguồn: http://www.drben.net/files/China/ChinaMaps-ALL/Historic_Maps/Qing_Dynasty-1644-1911/_Ancient_Maps__Asia_-_Chinese_Empire_1910-S_op_800x611.jpg)

Bản đồ 8:

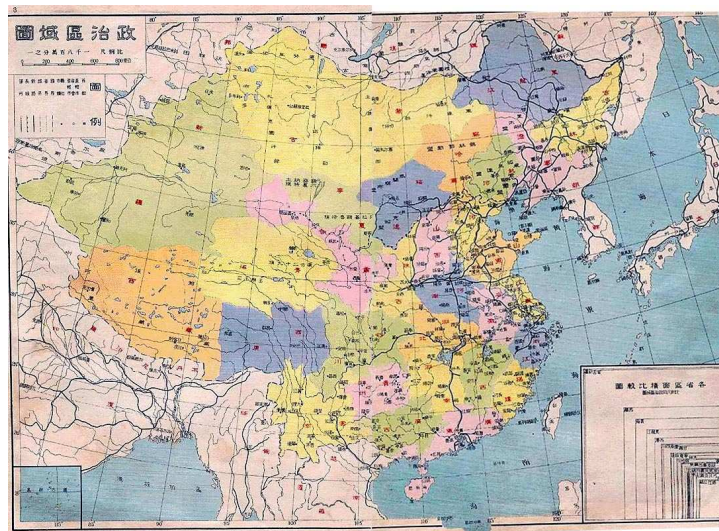


Bản đồ: “TÔN TRUNG SƠN TIÊN SINH kiến quốc PHƯƠNG LƯỢC ĐỒ”

(Nguồn: <http://commons.wikimedia.org/wiki/File:%E5%AD%AB%E4%B8%AD%E5%B1%B1%E5%85%88%E7%94%9F%E5%BB%BA%E5%9C%8B%E6%96%B9%E7%95%A5%E5%9C%96.jpg>)

(Tôn Dật Tiên, còn gọi là Tôn Văn hay Tôn Trung Sơn (12/11/1866 – 12/3/1925) là nhà *cách mạng dân chủ Trung Quốc*, người lãnh đạo cuộc *cách mạng Tân Hợi* năm 1911 lật đổ triều đại *Mãn Thanh* và khai sinh nước *Trung Hoa Dân Quốc*. Ông đã nêu ra chủ thuyết “Tam dân” (dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc). Ông được người Trung Hoa gọi yêu mến là “Quốc phụ Trung Hoa”).

Bản đồ 9:



Bản đồ của Trung Hoa Dân Quốc năm 1936 do "Sheng Bao" (nhà xuất bản của một tờ báo) xuất bản cũng đã thể hiện cực Nam của Trung Quốc cũng chỉ tới đảo Hải Nam.

(Nguồn: http://commons.wikimedia.org/wiki/File:China_old_map_1936.jpg)

Những luận cứ và luận chứng kể trên càng được củng cố hơn khi tác chúng tôi phát hiện ra hàng loạt bản đồ cổ của Trung Quốc thì cương vực phía Nam của Trung Quốc cũng chỉ dừng lại ở đảo Hải Nam. Các học giả Trung Quốc lý giải ra sau về bằng chứng này?

Bản đồ 10:



Đường Đại Cương Vực Đồ (bản đồ Triều Đường)

(Nguồn: http://commons.wikimedia.org/wiki/File:Tang_map.jpg)

[Bản đồ này là của Trung Hoa Dân Quốc ấn hành dùng để giảng dạy trong nhà trường (!)]

Bản đồ 11:



Bản đồ đời Tống vẽ trên đá

(Đây là bản đồ Trung Quốc “Vũ Tích Đồ” [Yu Ji Tu] (bản đồ về dấu tích của vua Vũ/ Đại Vũ). Bản đồ này được khắc vào đá vào năm 1137 thời nhà Tống đặt tại khu Bi Lâm (vườn suu tập Bia cổ) Tây An. Đại Vũ là vị vua trong thần thoại Trung Quốc ở thế kỷ thứ V tr.CN , được nhắc đến trong thiên Vũ Công (là phần viết về địa lý trong Kinh Thư), 1 chương trong Lịch sử Cổ đại. Needham & Chavannes khẳng định rằng bản đồ gốc phải được hình thành vào thế kỷ XII.

Mỗi ô vuông trên bản đồ tương trưng cho 100 li (đơn vị đo lường cổ của Trung Hoa). Bản đồ có diện tích tổng thể là 3 feet vuông. Đường viền biển tương đối chính xác và độ chính xác của hệ thống sông ngòi thì cực kỳ chính xác. Không rõ danh tính những nhà địa lý và họa đồ viên khởi phát làm nên tấm bản đồ này.

Vào năm 1142, một bản sao của bản đồ được bảo tồn tại Trấn Giang (Zhenjiang), tỉnh Giang Tô (Jiangsu) do một người tên Du Trì [Yu Chi], lúc ấy là Giáo học phủ Trấn Giang. Cũng có nhắc đến một bản sao trước đó vào khoảng năm 1100, dựa trên phiên bản Chang'an. Needham xác định rằng bản đồ được sử dụng chủ yếu để dạy học sinh về các khu vực được mô tả trong thiên Vũ Công [Yu Gong] của Lịch sử Cổ đại Trung Quốc.

Ảnh này được Pericles của Athens chụp từ Khoa học & văn minh Trung Hoa của tác giả Joseph Needham: Chương 13, Mathematics and the Sciences of the Heavens and the Earth (Toán học & Khoa học của Thiên đường & trái đất), trang PLATE LXXXI, trang 547-549).

(Nguồn: http://commons.wikimedia.org/wiki/File:Song_Dynasty_Map.JPG)



Đại Minh Hồn nhất đồ, được vẽ trên vải lụa vào năm 1389, nhưng với chú thích bằng tiếng Mãn Châu được viết trên giấy gió dán chồng lên bản đồ này nhiều thế kỷ sau đó.

Đây là bản đồ Trung Quốc cổ nhất còn sót lại.

(Nguồn: http://geog.hkbu.edu.hk/GEOG1150/Chinese/Catalog/am31_map1.htm)

Để kết luận phần này, chúng tôi xin mượn lời của Giám Mục Taberd đã được ghi rõ như sau: Nous n'entrerons pas dans l'énumération des principales îles dépendantes de la Cochinchine. Nous ferons seulement observer que depuis 34 ans l'archipel des Paracels nommé par les Annamites Cát Vàng ou Hoàng Sa (Sable jaune) véritable labyrinthe de petits îlots de rocs et de bancs de sable justement redoutés des navigateurs a été occupé par les Cochinchinois.

“Nous ignorons s'ils y ont fondé un établissement, mais il est certain que l'empereur Gia Long a tenu à ajouter ce singulier fleuron à sa couronne, car il jugea à propos d'en aller prendre possession en personne, et ce fut en l'année 1816 qu'il y arbora solennellement le drapeau cochinchinois”.

Nghĩa là:

“Chúng tôi không đi vào việc kê khai những hòn đảo chính yếu của xứ Cochinchine. Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels – mà người Việt gọi là Cát Vàng (Hoàng Sa), gồm rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát, làm cho những kẻ đi biển rất e ngại – đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong.

“Chúng tôi không rõ họ có thiết lập một cơ sở nào tại đó không; nhưng có điều chúng tôi biết chắc là Hoàng đế Gia Long đã chủ tâm thêm cái đóa hoa kỳ lạ đó vào vương miện của Ngài, vì vậy mà Ngài xét thấy đúng lúc phải thân chinh vượt biển để tiếp thu quần đảo Hoàng Sa, và chính là vào năm 1816, mà Ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong”.⁽³⁾

2. Baixos de Chapar-Pracel Islands - Spratly Islands

2.1 Trong số những bản đồ hải hành thực hiện bởi các nhà hàng hải phương Tây có những bản đồ đáng chú như sau:

Vào thế kỷ XV-XVI, trong số các nước phương Tây, Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha là hai nước phát triển sớm nhất. Và Bồ Đào Nha là nước phương Tây đầu tiên bành trướng thế lực sang phương Đông. Nhưng vào cuối thế kỷ XVI, Bồ Đào Nha phải nhường bước cho Hà Lan ở phương Đông.

Ngay từ thế kỷ XVI, các bản đồ hàng hải Biển Đông do các nhà hàng hải và truyền đạo phương Tây vẽ đã thể hiện hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ngày nay giống như các bản đồ cổ của An Nam dưới dạng một dãy đảo chạy dài hình lá cờ đuôi nheo ngoài khơi miền Trung Việt Nam, bên ngoài các đảo ven bờ, với chú thích “Isle Pracel” và “Costa de Pracel” cho bờ biển đối diện.

Chúng ta có thể so sánh bản đồ dạng đơn giản của Đỗ Bá (Toàn tập *Thiên nam tứ chí lộ đồ thư* - 1686), và của Lê Quý Đôn (*Phủ biên tạp lục*, 1776, *Đại Nam Nhất thống toàn đồ* 1838 của triều Nguyễn với bản đồ Bán đảo Đông Dương (Carte de la Peninsule Indochinoise) do nhà hàng hải danh tiếng người Hà Lan Henricus Van Langren vẽ năm 1595; và bản đồ của Công ty Đông Ấn (*Indiae Orientalis Nova Descriptio*) vẽ 1633 hay Bản đồ *An Nam đại quốc họa đồ* của giáo sĩ Jean Louis Tabert ghi tên Paracel Seul Katvang 1838 để thấy được điều đó.

- Năm 1606, Jodocus Hondius vẽ hai nhóm đảo Hoàng Sa và Trường Sa như một cái cờ đuôi nheo uốn quanh Đại Việt và Champa, cái đuôi dính liền với các đảo vùng Phan Thiết.

- Năm 1630, Cloppenburg vẽ hai nhóm Hoàng Sa và Trường Sa chạy dài từ khoảng ngoài khơi cửa sông Gianh kéo phần đuôi quần đảo vào sát vào khu bờ biển ngoài khơi Phan Rang.

- Năm 1650, Merian vẽ hai nhóm quần đảo riêng rẽ có tính cách tượng trưng: Hoàng Sa ngang vùng biển Đà Nẵng, Trường Sa ngang vùng biển Cam Ranh.

- Năm 1664, Thevenot vẽ hai nhóm Hoàng Sa và Trường Sa với cái đuôi chỉ tới vùng ngoài khơi Nha Trang.

- Năm 1719, Chatelin vẽ hai nhóm Hoàng Sa và Trường Sa dính liền nhau, rất lớn và rất sát với bờ biển miền Trung, có chỗ chỉ cách đất liền khoảng 10-15 hải lý.

Hà Lan là một nước có nền công thương nghiệp phát triển sớm và sau cuộc cách mạng vào cuối thế kỷ XVI, Hà Lan đã trở thành nước tư bản chủ nghĩa đầu tiên, vượt qua Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha, chiếm địa vị thứ nhất trong nền thương mại thế giới vào thế kỷ XVII. Công Ty Đông Ấn Hà (Companie Hollandaise des Indes Orientales) thành lập vào năm 1602 là công cụ để Hà Lan phát triển sang châu Á. Trong hồ sơ lưu trữ về bản đồ về Đông Dương đầu tiên (Carte de la peninsula Indochinoise) được ấn hành vào năm 1595 do nhà địa lý gốc Hà Lan Frère Van Langren thực hiện, và cũng lần đầu tiên quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam đã xuất hiện trên bản đồ này với cái tên Hà Lan là Paracels (có nghĩa là đá ngầm) ⁽⁴⁾.

Sang thế kỷ XVIII, những cuộc khảo sát biển Đông của các công ty Đông Ấn rất kỹ càng. Từ cuộc thám hiểm đo đạc của phái bộ Kergariou - Locmacria vào những năm 1778 - 1787 ở biển Đông đã giúp cho người phương Tây hiểu biết rõ hơn, trung thực hơn, không còn lờ mờ và sợ hãi như những huyền thoại trước đây về biển Đông. Các hải trình tương đối an toàn hơn, tuy họ không hề phủ nhận sự nguy hiểm và họa đắm tàu ở khu vực quần đảo Paracels.

Người Pháp qua các hoạt động của các giáo sĩ, thương gia nhất là từ khi giám mục Pigneau de Béhaine giúp Nguyễn Ánh về quân sự, đã bắt đầu quan tâm đến Việt Nam và kế thừa những hiểu biết của người Bồ Đào Nha, Hà Lan, đã biết rất rõ về nội tình chính trị Đàng Trong cũng như Đàng Ngoài thời phân tranh cũng như khi thống nhất.

Như thế, chính người Pháp mới bắt đầu cung cấp những tài liệu xác thực về sự xác lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Nhật Ký trên tàu Amphitrite (năm 1701) xác nhận Paracels là một quần đảo thuộc về nước An Nam.

Trong tài liệu này, có nhật ký của chiếc tàu Amphitrite chở các giáo sĩ Pháp qua quần đảo Paracels được ghi như sau:

“Người ta giương buồm chạy theo một luồng gió rất thuận, và trong chốc lát, người ta đã đến tầm Hoàng Sa. Hoàng Sa là một quần đảo thuộc vương quốc Đàng Trong. Đó là một khối đá khổng lồ hơn trăm dặm, nguyên nhân của các vụ đắm tàu thường xuyên. Trong chuyến đi đầu tiên đến Trung Quốc, tàu Amphitrite chứt nửa thì cũng tan tành ở đây”.⁽⁵⁾

“Le Mémoire sur la Cochinchine” của Jean Baptiste Chaigneau (1769 - 1825), viết vào những năm cuối đời Gia Long (1816 - 1819) đã khẳng định năm 1816 vua Gia Long đã xác lập chủ quyền Việt Nam trên quần đảo Paracels. Ông viết hồi ký nhan đề “Le mémoire sur la Cochinchine” được A. Salles, một viên chức thanh tra thuộc địa công bố trên Bulletin des Amis du Vieux Hué, n02, Avril - Juin 1923, trong đó có đoạn viết:

Nước Cochinchine mà vua bây giờ xưng đế hiệu (Hoàng đế) gồm xứ Đàng Trong (Cochinchine proprement dite), xứ Đông Kinh (Tonquin), một phần xứ Cao Miên, một vài đảo có dân cư không xa bờ bể và quần đảo Paracels hợp thành bởi những đảo nhỏ, đá ngầm và mỏm đá không dân cư. Chỉ đến năm 1816 đương kim hoàng đế mới lấy chủ quyền trên quần đảo ấy.⁽⁶⁾

Giám mục Jean Louis Taberd trong cuốn “Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes”, xuất bản năm 1833 viết về Paracels như sau:

“Chúng tôi không đi vào việc kê khai những hòn đảo chính yếu của xứ Cochinchine. Chúng tôi chỉ xin lưu ý rằng từ hơn 34 năm nay, quần đảo Paracels, mà người Việt gọi là Cát Vàng hay Hoàng Sa (có nghĩa là Cát Vàng) gồm rất nhiều hòn đảo chằng chịt với nhau, lởm chởm những đá nhô lên giữa những bãi cát, làm cho những kẻ đi biển rất e ngại, đã được chiếm cứ bởi người Việt xứ Đàng Trong”... “Chúng tôi không rõ họ có thiết lập một cơ sở nào tại đó không; nhưng có điều chúng tôi biết chắc là hoàng đế Gia Long đã chú tâm thêm cái đoá hoa kỳ lạ đó vào vương miện của ông, vì vậy mà ông xét thấy đúng lúc phải thân chinh vượt biển để tiếp thu quần đảo Hoàng Sa, và chính là vào năm 1816 mà Ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong”.⁽⁷⁾

An Nam Đại quốc họa đồ của giám mục Taberd xuất bản năm 1838 khẳng định Cát Vàng (Hoàng Sa) là Paracels và nằm trong lãnh hải Việt Nam.

Bản đồ này được đính sau cuốn Tự Điển Việt - La Tinh nhan đề “Latino - Anamiticum” của giám mục Taberd (từng làm thông dịch cho vua Minh Mạng từ tháng 11 năm 1826), xuất bản năm 1838. Bản đồ có chiều dài 80cm, ngang 44cm in trên loại giấy thường để in họa đồ. Nhan đề bản đồ được in bằng ba thứ tiếng: chữ Hán, chữ Quốc Ngữ và chữ La Tinh.

An Nam Đại quốc họa đồ là một tài liệu phản ánh sự tổng kết những hiểu biết sâu sắc và chính xác của người phương Tây từ thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX về mối quan hệ giữa quần đảo Hoàng Sa và nước Đại Việt mà tác giả gọi là An Nam Đại quốc. An Nam Đại quốc họa đồ là một minh chứng rất hùng hồn khẳng định một cách rõ ràng:

1. Paracels là địa danh mà người phương Tây chỉ quần đảo ở biển Đông suốt thế kỷ XVI đến đầu thế kỷ XIX chính là Cát Vàng hay Hoàng Sa của Việt Nam. Trong bản đồ này có ghi chú “Paracels Seu Cát Vàng”. Tại biển Đông không có đảo Hải Nam của Trung Quốc mà chỉ có đảo của Việt Nam. Đảo ở khoảng vĩ độ 17° Bắc và kinh độ hơn 111° Đông, có vẽ một số đảo (bằng một số dấu chấm) và ghi hàng chữ “Paracel Seu Cát Vàng”. Từ Seu (tiếng La Tinh) là “có nghĩa là”, Cát Vàng (tiếng Nôm) tức là “Hoàng Sa” (tiếng Hán Việt). Paracel - Cát Vàng - Hoàng Sa, là một khẳng định rõ ràng nhất quán chứ không phải suy diễn như Tây Sa của Trung Quốc.
2. Trong bản đồ An Nam Đại quốc họa đồ không ghi đảo Hải Nam hay bất cứ đảo nào của các nước láng giềng và chỉ ghi “Paracel Seu Cát Vàng” mà thôi, chứng tỏ Paracel Seu Cát Vàng nằm trong lãnh thổ của An Nam Đại quốc hay Đại Việt.
3. Địa danh Paracel ghi bên cạnh những chấm đánh dấu các đảo ở khoảng vĩ độ 16° Bắc (ngang vĩ độ cửa Tư Dung, Thừa Thiên) lên đến vĩ độ 17° Bắc khoảng Cửa Tùng (Quảng Trị) và kinh độ 111,18° Đông. Điều này đã phản ánh sự hiểu biết về Hoàng Sa của người phương Tây đã rất chính xác và Hoàng Sa không còn chung với quần đảo Trường Sa nữa.

Bản đồ 13:



An Nam Đại quốc họa đồ của Jean Louis Taberd năm 1838

2.2 Xem xét một số bản đồ có địa danh Baixos de Chapar-Pracel - Spratly

Bản đồ 14:



Đây là tấm bản đồ màu, in năm 1613 trong quyển Atlas Mercator Hondius (1563-1612) vẽ trước năm 1606, từ dữ kiện của nhà địa dư học Bồ Đào Nha Bartolomeu Lasso vào đầu thế kỷ XVI.

Bản đồ này được trình bày bằng tiếng La tinh có tên là *Insulae Indiae Orientalis*, ghi rõ vùng biển Đông Nam Á, từ đảo Sumatra phía Tây tới New Guinea và cả đảo Guam phía cực Đông (trong một chuỗi đảo được mệnh danh là “quần đảo thổ phi-*Islas de Las Vellas*), và đảo Timor gần Australia phía Nam lên tới đảo Hải Nam phía Bắc.

Bản đồ 14.1:



Trên góc cao (giữa) bản đồ (khu vực Việt Nam ngày nay), có ghi là đất “Cauchin, có tên Cauchinchina”

Trên bản đồ này ghi rất rõ ràng ngoài khơi xứ Cauchichina một vùng quần đảo có nhiều bãi cát nông chạy dài xuống hướng Tây Nam, được ghi là Pracel.

Đổi diện với quần đảo, trên lãnh thổ Cauchinchina được viền màu vàng, là tên Costa de Pracel. “Costa de Pracel” không có liên hệ gì với đảo Hải Nam (được tô màu hồng với tên là Ainan).

Xem bản đồ khu vực Đông Nam Á do Jean Baptiste Nolin (1657-1725) hoàn thành năm 1687. Trong bản đồ này, Nolin đã đánh dấu vùng quần đảo giữa biển Đông được ghi rõ là “Baixos de Chapar de Pulls Scir” nằm ở dưới vị trí ghi là “Golfe de la Cochinchine”. Điều này có nghĩa là “bãi cát của Chapar là bãi đá ngầm” nằm dưới vị trí của “Vịnh Cochinchine”.

Bản đồ 15:



Bản đồ khu vực Đông Nam Á do Jean Baptiste Nolin hoàn thành năm 1687.

(Nguồn: Bản đồ ký hiệu C.C. 1144.A lưu trữ tại Thư viện quốc gia Bồ Đào Nha)



Một phần bản đồ khu vực Đông Nam Á của Jean Baptiste Nolin.

Khu vực quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa được ghi chú là Baixos de Chapar de Pulls Scir nằm dưới Golfe de la Cochinchine

Bản đồ 16:

Bản đồ Biển Đông do nhà xuất bản Luân Đôn in năm 1791 – A new chart of the China Sea with its several entrances, printed for Robert Sayer, London năm 1791- thể hiện quần đảo Paracels nằm trong hình cờ đuôi nheo ghi rõ according to the Draft of Cochinchina Pilot 1764 (vẽ theo Dự thảo Hàng hải chỉ nam của xứ An Nam năm 1764).⁽⁸⁾



Hình 1. A new chart of the China Sea with its several entrances, printed for Robert Sayer, London năm 1791

Ảnh chụp bản đồ của Nguyễn Hồng Thao (Sđd)

Tài liệu này chứng tỏ trong khi xây dựng các tài liệu hướng dẫn hàng hải, các nhà hàng hải phương Tây đã tham khảo các hiểu biết của chính quyền An Nam và thừa nhận quần đảo này thuộc An Nam.

Giá trị của bản đồ còn lưu giữ ở Tây Ban Nha so với các bản đồ đã biết là dòng chữ Cochinchina (Nam Kỳ) được ghi ngay dưới tên Paracels minh chứng rõ ràng mảnh đất này thuộc về An Nam từ rất sớm chứ không phải như các học giả Trung Quốc nói thuộc về họ từ thế kỷ thứ II trước Công nguyên.

Hơn nữa đây là bản đồ chuyên ngành hàng hải, đính kèm Hàng hải chỉ nam vùng biển An Nam chứ không phải bản đồ địa lý thông thường. Hình vẽ các nhóm đảo paracels cũng chi tiết hơn, thể hiện sự kéo dài của quần đảo quá vị trí Hoàng Sa ngày nay, đối xứng với Cam Ranh, Sài Gòn và khoảng cách xa bờ hàng trăm hải lý nên không thể coi đó là sự thể hiện các đảo ven bờ Việt Nam như một số lập luận nguy hiểm.

Các hiểu biết này giống với các hiểu biết của người Việt xưa, những người đã khám phá và cai quản Paracels, và phù hợp với kỹ thuật hàng hải hải đồ lúc đó.

Tuy các tài liệu và bản đồ nước ngoài thời kỳ này đều quy thuộc Paracels vào Cochinchine nhưng một câu hỏi vẫn được đặt ra: vào thời điểm nào người ta mới phát hiện Paracels và Spratleys là hai quần đảo riêng biệt.

Nhận thức và kỹ thuật bản đồ hạn chế thời đó của người An Nam và nước ngoài chưa cho phép phân biệt rõ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa như ngày nay mà đơn giản gọi gộp chung chúng dưới tên gọi Paracels, Hoàng Sa, Đại Hoàng Sa, Đại Trường Sa, Vạn Lý Trường Sa để chỉ dãy cồn cát, đá ngầm dài hàng trăm dặm là mối đe dọa tiềm tàng cho người đi biển.

Có nhiều nguồn tài liệu đã đề cập vấn đề này.

Thứ nhất, Spratly là họ của một người Anh, thuyền trưởng chiếc tàu săn cá voi Cyrus. Ông tên Richard Spratly, người phương Tây đầu tiên đặt chân lên hòn đảo này vào năm 1843.⁽⁹⁾

Thật ra Richard Spratly không phải là người đầu tiên khám phá ra Spratly Islands. Trước đó khoảng gần 40 năm, vào năm 1807, khi được cử sang vương quốc Cochinchina để khảo sát quần đảo Pracel (bao gồm Paracel Islands và Spratly Islands), thuyền trưởng Ross đã đến triều kiến vua Gia Long và trình lên vị hoàng đế này một lá thư giới thiệu của công ty Đông Ấn. Nội dung lá thư có liên quan đến việc xin phép khảo sát quần đảo Pracel và bờ biển của nước này. Daniel Ross hoàn tất cuộc khảo sát và đo đạc vùng biển phía Nam của Trung Hoa năm 1807, quần đảo Pracel năm 1808, một phần bờ biển Cochinchina năm 1809, và vùng đảo Palawan của Philippines năm 1810.

Daniel Ross đã đặt tên cho Spratly Islands là Dangerous Ground (Vùng đất nguy hiểm), được xem như phần phía Nam của quần đảo Pracel (hay Paracel) trên bản hải đồ ấn hành năm 1821. Sau đó, trong một phiên bản của tấm hải đồ ấn hành năm 1859, tên Dangerous Ground được đổi lại là Storm Island (Đảo Bão tố). Ngày nay, cả hai tên thỉnh thoảng vẫn còn được nhắc đến nhưng không phổ biến như tên Spratly Islands. Như vậy, đối với phần lớn giới hàng hải phương Tây, đến năm 1843, quần đảo Pracel được chính thức tách ra thành Paracel Islands và Spratly Islands.

Nhưng ở một tài liệu khác, theo nhiều tác giả chính các thủy thủ Anh, thường qua lại trên con đường giữa Malaca và Borneo, đã được coi là những người đầu tiên phân biệt các đảo, đá nhỏ này và đặt tên chúng.

Nước Anh đã từng đưa ra lý do này để yêu sách Spratlys. G. Marston trong bài “Sự từ bỏ các yêu sách lãnh thổ: trường hợp của các đảo Bouvet và Spratleys”⁽¹⁰⁾ đã nhắc lại sự kiện công hàm ngày 21 tháng 5 năm 1930 của Toà Đại sứ Anh tại Paris, thừa lệnh Chính phủ họ truyền đạt lại Chính phủ Pháp rằng ông Graham, người Mỹ và các ông Simpson và James, người Anh đã đăng ký, vào năm 1877, tại thuộc địa Labuan, yêu sách của họ đối với đảo Trường Sa.

Ngày 13 tháng 12 năm 1878, Chính phủ Anh đã thông báo cho Tổng Lãnh sự Anh tại Bornéo rằng họ không có phản đối gì về việc đăng ký tại Tổng Lãnh sự tại Borneo yêu sách của ba công dân trên các đảo này cũng như việc họ kéo cờ Anh lên và do đó các đảo này thuộc lãnh thổ Anh Quốc, trừ phi hoàng gia từ bỏ chúng một cách dứt khoát. Người Anh cũng khẳng định Tàu đánh cá voi của Anh Cyrus đã phát hiện ra Spratleys vào năm 1843.

Tuy nhiên đây đều là các bằng chứng dựa trên sự chiếm hữu cá nhân. Chính vì vậy, vào năm 1939, Chính phủ Anh đã chính thức thông báo không duy trì yêu sách chủ quyền trên quần đảo Trường Sa.

Nhưng, xem cuộc khảo sát của Kergariou-Locmaria cùng bản đồ hành trình của tác giả, căn cứ vào bản đồ và lời văn dưới đây có lẽ lần đầu tiên trong lịch sử hàng hải, hai quần đảo này đã được phân biệt rõ ràng.

“Tôi rời Macao ngày 29 tháng 4 năm 1788, trời xanh, biển lặng. Tôi nghĩ rằng, khi đi cắt sẽ bị ngược gió và nước; nhưng khi bị dạt không ngờ tới về phía bờ biển Cochinchine ngày 8 tháng 5 ở khoảng cách mà tôi tìm kiếm nhóm đảo có tên Đuôi Rồng Scorpion, sau khi dứt khoát đã đi qua Paracels, do gió lặng, trời xanh, biển nước một màu, trong suốt đến đáy, không thấy các đá ngầm có ghi trên hải đồ...”

Được khích lệ bởi thời tiết trời biển thuận hoà, tôi đã phát hiện ra một nhóm nhiều đảo chưa từng thấy trên bất kỳ hải đồ nào cả mới cả cũ, mà tôi đã quan sát các điểm chính trên hải trình

của người Anh, tuy không theo kỹ. Tôi đã hoàn toàn dứt ra khỏi các đảo này khi tôi đi đến gần bờ biển của đảo Borneo...”.⁽¹¹⁾

Phát hiện này đã bị lãng quên và trong các sách báo vẫn ghi nhận người Anh là những người đầu tiên phát hiện và ghi tên quần đảo Spratlys lên bản đồ thế giới.

Như vậy, mãi đến khoảng giữa thế kỷ XIX thì quần đảo Pracel nằm trong khoảng từ vĩ độ 12° Bắc đến 16° Bắc, các nhà hàng hải phương Tây mới phân biệt rõ hai quần đảo Paracels và Spratlys. Điều này cho thấy nhiều dân tộc khác đã nhận biết về sự tồn tại của Bãi Cát vàng thuộc Việt Nam.

Bản đồ 17:



Indian Archipelago and Further India including Burmah, Siam, Anam &c
Adam & Charles Black, Edinburgh, 1873

Bản đồ 17.1



Vị trí của HS-TS gần như chính xác so với ngày nay

Bên cạnh đó, dưới triều của vua Minh Mạng 1820-1841), vào năm 1838, Quốc Sử quán triều Nguyễn đã cho thực hiện một bản đồ gọi là Đại Nam nhất thống toàn đồ. Bản đồ này đã phân chia Bãi cát vàng, thành hai quần đảo riêng biệt gọi là Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa, mà sau này gọi gọn lại là Trường Sa.

Tám bản đồ mà Minh mạng cho thành lập là minh chứng hùng hồn nhất về sự tuyên bố chủ quyền về mặt pháp lý của nước ta. Trên tám bản đồ này đã chỉ rõ bằng chữ Hán là Hoàng sa (phần được tô lại màu vàng bên trên) và Vạn Lý Trường Sa (phần được tô lại màu xanh bên dưới).⁽¹²⁾

Bản đồ 18:



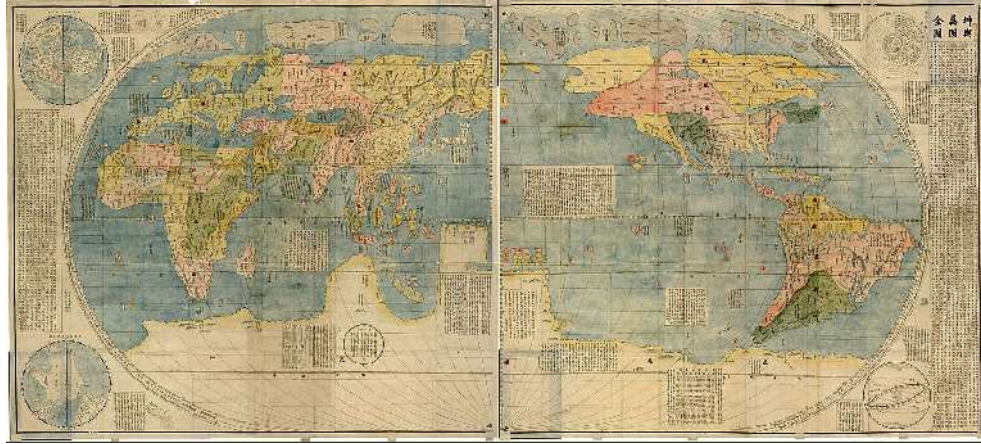
Đại Nam nhất thống toàn đồ 1838

3. Những phát hiện mới chung quanh tấm bản đồ thế giới của Matteo Ricci

Một tấm bản đồ thế giới có tuổi đời hơn 400 năm, vừa được trưng bày tại thư viện Quốc hội Mỹ. Matteo Ricci - một nhà truyền giáo, người Italy - vẽ tấm bản đồ vào năm 1602 theo yêu cầu của vua Minh Thần Tông.

Tấm bản đồ có kích thước 3,65 m x 1,52 m. Chất liệu của tấm bản đồ này được làm bằng giấy hồ – một loại chất liệu được sử dụng rất phổ biến ở Trung Quốc vào thế kỷ XVII.

Bản đồ 19:



Bản đồ màu, bản chép lại bản đồ của Matteo Ricci sáng tác trên đường truyền đạo ở Trung Quốc

[Bản đồ này do nhà truyền giáo Italia, dòng Tên, Matteo Ricci(1552-1610) sáng tác trên đường truyền đạo ở Trung Quốc. Trong thời Nhật Bản “bế môn tỏa cảng” (1793-1858), phiên bản này đã được du nhập vào Nhật Bản, gây ảnh hưởng lớn đến nhận thức thế giới của người Nhật trong thời Edo(1603-1868). Ricci đã sáng tác tấm bản đồ thế giới đầu tiên bằng tiếng Hán theo bản đồ được vẽ ở Châu Âu, *hiện nay tấm bản đồ này đã thất lạc*. Viên quan nhà Minh tên là Lý Chi Tảo(李之藻) đã dày công vẽ lại thành “phiên bản Lý Chi Tảo” với tên gọi là “Khôn dư vạn quốc toàn đồ”. Nguyên tác là bản vẽ một màu nhưng phiên bản (vẽ trên gỗ) sang Nhật bản được sao lại được tô thành nhiều màu, và một phần địa danh được sửa lại, vì vậy trong bản đồ phổ biến hiện nay có những địa danh phiên âm theo tiếng Nhật (Katakana). Bản khắc trên gỗ có 6 tấm nhưng phiên bản này chỉ có 2 tấm đông-tây mà thôi.

Phiên bản này hiện nay được trưng bày tại Thư Viện Tỉnh Miyagi (thành phố Sendai) và thư viện Đại Học Kyoto.]

(Nguồn: <http://www2.library.tohoku.ac.jp/kano/ezu/kon/kon.html>)

Bản đồ 20:



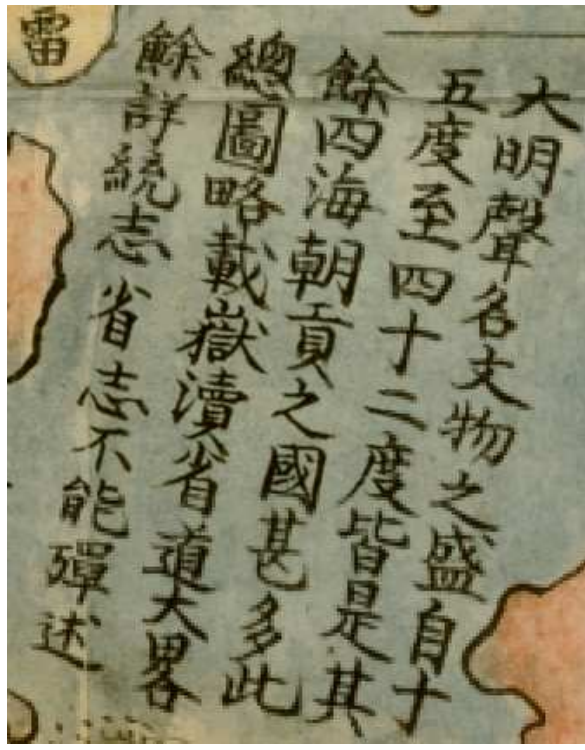
Một phần bản đồ khu vực Viễn Đông [bản chép lại bản đồ của Matteo Ricci]
(Nguồn: <http://www2.library.tohoku.ac.jp/kano/ezu/kon/kon.html>)

Trong tấm bản đồ này, các chú thích được ghi bằng hai ngôn ngữ: tiếng Hán và tiếng Nhật, tại phần lãnh thổ Việt Nam ngày nay đã được ghi chú, phần ghi chú này rất quan trọng. (Bản đồ 21), (Bản đồ 22).

Bản đồ 21



Bản đồ 22:



Khả năng chú thích này là của người Nhật ghi thêm

Dòng chữ Hán (Bản đồ 22) được ghi chú trên vùng biển Đông này có nghĩa là:

“Thanh danh văn vật [triều] Đại Minh thịnh vượng, nhiều nước trong bốn biển - ở khoảng 15 độ đến 42 độ - đều đến triều cống.[bức] tổng đồ này [chỉ] diễn tả chung về núi, sông, tỉnh, đạo. Không thể vẽ tường tận cụ thể như [sách] Nhất thống chí, Tỉnh chí ghi chép”

Và 4 chữ [hàng dọc] (Bản đồ 23) đọc là: *Vạn Lý Trường Sa*

Bản đồ 23:



Vạn Lý Trường Sa

Dòng chữ Hán (Bản đồ 22) được ghi chú trên vùng biển Đông có một điểm tồn nghi cần được các nhà ngôn ngữ học phân tích. Bởi vì nếu ghi chú này do người Nhật chú thêm vào bản màu chép lại của Ricci thì có thể hiểu là:

“Đại Minh nghe rằng các nước bốn bề chung quanh từ 15 độ đến 42 độ...đều giàu có và tất cả đều là nước triều cống. Bản đồ tổng quát này giản lược không ghi các tỉnh, đạo, núi, sông...không thể chép hết chi tiết tỏ tường như Đại Minh Nhất thống Chí, Tỉnh chí”

Điều lý giải trên của chúng tôi có thể hợp lý (ghi chú của người Nhật vào bản màu chép lại của Ricci) bởi trong bản bản đồ thế giới (bản một màu của Lý Chi Tảo chép lại bản của Matteo Ricci), tại khu vực biển Đông của Việt Nam ngày nay không có một ghi chú nào cả!

Bản đồ 24



Bản đồ thế giới (Vạn Quốc Toàn Đồ)
phiên bản của Lý Chi Tảo vẽ lại theo bản đồ của Matteo Ricci (bản một màu)
(Nguồn: <http://zh.wikipedia.org/zh-tw/File:Ricci1600.jpg>)

Điểm thứ nhất chúng ta cần đặc biệt chú ý, Ricci đã sáng tác tấm bản đồ thế giới đầu tiên bằng chữ Hán theo bản đồ được vẽ ở Châu Âu, hiện nay tấm bản đồ này đã thất lạc. Viên quan nhà Minh tên là Lý Chi Tảo(李之藻) đã dày công vẽ lại thành “phiên bản Lý Chi Tảo” với tên gọi là “Khôn Dư Vạn Quốc Toàn Đồ”.⁽¹³⁾

Bản đồ “Khôn Dư Vạn Quốc Toàn Đồ” hiện lưu trữ tại viện bảo tàng tỉnh Miyagi (Nhật Bản) là 1 trong hơn 20 tấm được xác nhận nơi lưu trữ. Nhiều địa danh, chú thích được tu chỉnh, viết so với bản gốc của Lý Chi Tảo, có thể được vẽ lại và chú thích thêm tại Nhật Bản để phổ biến.

Thư viện Đại học Tokohu giải thích phiên bản này đã được du nhập vào Nhật Bản, gây ảnh hưởng lớn đến nhận thức thế giới của người Nhật trong thời Edo (1603-1868) lúc bấy giờ Nhật Bản “bế môn tỏa cảng”(1793-1858) việc tiếp xúc với thế giới bên ngoài rất hạn chế. Nguyên tác là bản vẽ một màu nhưng phiên bản (vẽ trên gỗ) sang Nhật Bản được sao lại và được tô thành nhiều màu, và một phần địa danh được sửa lại, vì vậy trong bản đồ phổ biến hiện nay có những địa danh phiên âm theo tiếng Nhật (Katakana).

Tại Nhật Bản hiện nay, bản khắc trên gỗ có 6 tấm nhưng phiên bản này chỉ có 2 tấm đông-tây và có 3 nơi hiện đang lưu trữ: Thư viện đại học Tohoku, Viện bảo tàng tỉnh Miyagi và Viện

bảo tàng Kyoto. Tấm một màu được in lại từ bản khắc gỗ gồm 6 tấm ghép lại được cho là gần với bản gốc Lý Chi Tảo vẽ. Những tấm tô màu có nhiều điểm khác tấm một màu. Đặc biệt ở tấm màu có vẽ quần đảo Vạn Lý Trường Sa (万里長沙) còn tấm một màu thì không và cũng không có những chữ phiên âm (Katakana). Điều này có thể hiểu được là bản đồ khắc lại tại Nhật Bản đã được thêm vào 4 chữ “Vạn Lý Trường Sa” cùng với những chữ phiên âm và vài phần chú khác nữa.

Điểm đặc biệt thứ hai là bản đồ của Ricci khi đi vào Nhật Bản không chỉ có phiên bản của Lý Chi Tảo mà nó có đến 16 phiên bản khác nhau và những ghi chú trên bản đồ phiên bản này cũng không giống nhau. Nhưng bản đồ của Ricci được sao chép nhiều lần này đã cung cấp cho mọi người lúc bấy giờ một thế giới quan mới, có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng và học thuật.

Bản đồ 25:



Bản một màu, phần miêu tả khu vực biển Đông ngày nay,

không có vẽ quần đảo Vạn Lý Trường Sa (万里長沙)

(Nguồn: <http://eichi.library.pref.miyagi.jp/konyo/>
<http://edb.kulib.kyoto-u.ac.jp/exhibit/maps/map001/image/index.html>)

Trong bản của Lý Chi Tảo vẽ lại bản gốc của Matteo Ricci không có 4 chữ “Vạn Lý Trường Sa” là điều nên lưu ý hơn cả, chứng tỏ thời Nhà Minh đã không nhận thức được quần đảo này là thuộc về mình hoặc không xem chúng thuộc về lãnh thổ của Trung Quốc thời bấy giờ. Hơn thế nữa người Nhật viết thêm “Vạn Lý Trường Sa” cho thấy trong nhận thức của người Nhật này thì dãy đảo “Vạn Lý Trường Sa” nằm rải rác trên biển Đông, dọc theo Chiêm Thành (Lâm Ấp) nơi có nhiều thuyền buôn qua lại mà trong thời kỳ này các loại thuyền buôn “Shuninsen”(Chu ấn thuyền)⁽¹⁴⁾ của Nhật Bản đến Phú Hiên, Hội An, Chiêm Thành... mua bán (trầm hương, sừng tê giác, yến sào, gôm sứ...) kéo dài trong gần 40 năm(1604-1635). Theo nghiên cứu của Giáo sư Iwao Seiichi, trong thời gian này đã có hơn 350 lượt thuyền buôn của

Nhật Bản tập nập cập bến các cảng biển Đàng Trong và Đàng Ngoài mà thị xã Hội An với phố cổ Nhật Bản ngày nay là một bằng chứng.⁽¹⁵⁾

Đây là một chi tiết khá quan trọng cần phải được nhấn mạnh. Trong thời kỳ này, cả Nhà Minh ở Trung Quốc và Nhật Bản đang thực hiện chính sách “bế môn tỏa cảng”, cho nên Đại Việt nói chung và Phố Hiến, Hội An nói riêng đã trở thành một “kho hàng trung chuyển” ở nước ngoài của Nhật Bản để giao dịch ngoại thương, hay nói một cách khác, Chu ẩn thuyền đã đóng vai trò kinh tế-ngoại giao cho thể chế Mạc Phủ lúc bấy giờ.

Con số 350 lượt thuyền buôn Nhật Bản ra vào Đại Việt, chắc hẳn rằng “Vạn Lý Trường Sa” là tên gọi chỉ bãi cát dài nằm dọc ở biển Đông mà các thủy thủ thuyền buôn Nhật Bản bảo nhau, vẽ trên bản đồ để định vị và nhắc nhở nhau chớ lao thuyền vào dãy đảo san hô đầy hiểm nguy này.

Như vậy, vào năm 1602 (năm mà Matteo Ricci hoàn thành tám bản đồ của mình), và từ những năm về sau (thời gian mà Lý Chi Tảo vẽ lại bản đồ của Matteo Ricci) Vạn Lý Trường Sa không thuộc về lãnh thổ của nhà Minh.

Cũng từ nội dung được ghi chú tại khu vực biển Đông trên tám bản đồ này đã phản ánh tư tưởng Hán-di (tư tưởng lấy nước Trung Hoa là trung tâm và các chư hầu chung quanh là man di mọi rợ) là truyền thống của các triều đại Trung Quốc (Hán, Đường, Tống, Minh...) từ ngàn xưa.

Nhìn qua những những bản đồ liên quan đến Việt Nam từ thế kỷ XVI đến nửa đầu thế kỷ XX, bất cứ ai cũng rõ ràng nhận ra ngay là hai quần đảo Hoàng Sa-Trường Sa thuộc về lãnh thổ Việt Nam và không thể thuộc về bất cứ một quốc gia nào khác. Điều này có nghĩa là trước cả khi Lê Quý Đôn soạn sách Phủ biên tạp lục thì Hoàng Sa-Trường Sa đã thuộc về Việt Nam từ lâu.

Chú thích:

- (1) Xem Thích Đại Sán, *Hải ngoại Ký sự*, (7 quyển), Viện Đại học Huế. Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam. Huế 1963.
- (2) Báo *La Nature*, số 2916, Paris ngày 1/1/1933, trang 385-387.
- (3) *Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes*, 1833. Dẫn theo Thái Văn Kiểm, Tạp san *Sử Địa 29, Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, Sài Gòn, 1975, tr 32-40.

Ngoài ra chúng ta có thể tham khảo thêm:

- *Les Lettres étudiantes et curieuses* (Tập 3 trang 38, nhà xuất bản văn học Panthéon, năm 1843): “Đảo Hoàng sa là một quần đảo thuộc về An Nam”.
- *Compendio di Geografia* in năm 1850
Phần cuối ghi rõ “Thuộc về đế chế này còn có quần đảo Hoàng Sa (Paracels), quần đảo Hải Tặc (Pirate - quần đảo Hà Tiên) và quần đảo Côn Sơn (Pulo Condor hay Côn Đảo)”.
- *Compendio di geografia*, By Adriano Balbi, E. Sergent, Niccolò Tommaseo

Quyển sách tóm tắt địa lý bằng tiếng Ý xuất bản tại Milan 1865. Ở trang đánh số 642, 64 có nói đến Paracels là đảo của vương quốc Annam

- Compendio di geografia universale, Vol 1,

Cuốn sách về địa lý xuất bản tiếng Ý năm 1824 tại Livorno (Italia). Ở trang số 305 và 306, phần về vương quốc An Nam (Dell' impero d' An Nam) có ghi rõ quần đảo Pracels (Paracels) nằm đối diện bờ biển Cochinchina thuộc sự quản lý của quốc gia này (Pare che l'archipelago di Pracels (Paracels) posto dirimpetto la spiaggia della Cochinchina sia dependente anch' esso da questo Stato).

- La cosmografia istorica, astronomica e fi

Quyển sách tiếng Ý về lịch sử, vũ trụ học, thiên văn, vật lý học của Biagio Soria xuất bản năm 1828 tại Napoli, Italia. Tập 6 này là phần về Vật lý (Tome VI. Parte Fisica) có đoạn rất đặc biệt nói về quần đảo Paracels thuộc vương quốc An Nam. Phần này được nói đến trong chương số IV (trang 128) nói về vương quốc An Nam. Cụ thể, mục số 52 (trang 129) có những dòng nói về vương quốc An Nam gồm có Tonquin, Cocincina, Cambodja và Tsiampa, trong đó Paracels nằm trong lãnh thổ Tsiampa thuộc An Nam.

(4) Xem Pierre Y, Manguin *Les Portugais sur les côtes du Vietnam et du capa*, in *BEFEO* (1972), trang 74. Nhưng theo *Dictionnaire de Bibliographie generale ancienne et moderne de l'Indochine Francaise* của Giáo sư A Brébion, 1935, thì Paracels là tên một chiếc tàu của Công ty Đông Ấn Hà Lan (theo Thái Văn Kiểm, Tạp san *Sử Địa* 29, *Đặc khảo về Hoàng Sa và Trường Sa*, Sài Gòn, 1975, tr 32-40).

(5) J.Y.C. *Mystère des Atolls*, *Journal de voyage aux Paracels*, tuần báo Indochine, 1941, số 3.7, 10.7, 17.7.

Các thư từ nhật ký của người Tây Phương, trong đó có người Pháp, đã được tập hợp thành bộ “Lettres Edifiantes et Curieuses” của Archives des Missions Étrangères de Paris, Paris, 1838, 4 vols.

Sự kiện này cũng được nhắc lại trong tài liệu của Madrolle Claudius – Vấn đề Hải Nam và quần đảo Hoàng Sa – trong : Chính trị nước ngoài – số 3 - 1939 – năm thứ tư, trang 302-312.

Nguồn: <http://www.persee.fr>

(6) *Le Mémoire sur la Cochinchine de Jean Baptiste Chaigneau*, publié et annoté par A. Salles, Inspecteur des Colonies en retraite, in *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, No 2, Avrit-Juin 1923.

Jean Baptiste Chaigneau (1769 - 1825) được vua Gia Long đặt tên là Nguyễn Văn Thắng, phong là Thắng Toàn Hầu, từng theo giúp Nguyễn Anh chống Tây Sơn, đã thay J. M. Dayot vào cuối năm 1796 trông coi tàu Phi Long, có dự trận Thị Nại 1801, hoạt động ở Quảng Nam Huế. Ông trông coi việc tiếp tế cho quân đội ở Phú Xuân (sắc ngày 16 -3 - 1802).

(7) *Univers, histoire et description de tous les peuples, de leurs religions, moeurs et coutumes*, 1833. Sđd.

(8) Xem Nguyễn Hồng Thao, Sang xứ bờ tốt tìm dấu tích Hoàng Sa - Trường Sa, VNN ngày 3/4/2009.

(9) Xem Wikipedia, “Richard Spratly”.

(10) “Abandonment of territorial claims: the cases of Bauvet and Spratly islands”, BYIL, 1986, tr. 351

(11) Tài liệu lưu trữ tại Lưu trữ quốc gia Pháp, ký hiệu Mar. B 4/278, tr. 192-193

(12) Nhưng theo Võ Long Tê, Hiện nay chúng ta có một họa đồ mệnh danh là " Đại nam nhất thống toàn đồ ", trong đó ghi rõ hai quần đảo riêng với danh xưng Hoàng Sa và Vạn lý Trường sa. Thật ra đây là một bản sao do ông Châu Ngọc Thôi, nguyên Đồng Lý Văn Phòng Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa, hiện là phụ tá tại Phủ Phó Thủ Tướng đặc trách thanh tra các chương trình Phát triển Quốc Gia kiêm liên lạc với quốc hội, sưu tập từ lâu và có nhã ý cho chúng tôi khai dụng (xin xem bản đồ).

Ông P. A. Lopicque đã công bố bản đồ này trong tập " A propos des Iles Paracels " in năm 1929 và ghi chú rằng đó là bản đồ trích từ sách Hoàng Việt Địa Dư Chí in năm Minh Mệnh thứ 14 (tức năm 1834) .(6) Nhiều tác phẩm sử địa khác có lẽ cũng lặp lại nhận định của La - Picque, chẳng hạn như sách Việt Nam Văn Học Toàn Thư II; cổ tích của Hoàng Trọng Miên (7), hay một tác phẩm Anh ngữ mà chúng tôi chưa tìm ra nhan đề, có chú giải: " The Hoàng Việt Địa Dư-Geography of the Annamite-Empire - shows that The Paracels and Spratley Islands have for a long been Vietnamese possession " (8).

Theo chúng tôi, " Đại Nam nhất thống toàn đồ " không thuộc " Hoàng Việt Địa dư chí " vốn in lần đầu tiên năm 1833 (chứ không phải năm 1834) vì lẽ giản dị, quốc hiệu Đại Nam được vua Minh Mệnh ban hành năm 1838. Sách " Minh mệnh chính yếu " (quyển I, tờ 44a-44b) có trích đăng đạo dụ ban hành quốc hiệu Đại Nam vào năm Minh Mệnh thứ 19 (1838) (9). Nghiên cứu nội dung bản đồ này, chúng ta nhận thấy có những địa danh chứng tỏ bản đồ này thiết lập từ năm cải quốc hiệu đến năm chúng ta mất Nam kỳ lục tỉnh, tức là trong khoảng thời gian mà địa giới phía tây nước ta đặt ở phía tây Cửu long với lý do đất Ai-lao và Cao-miên còn thống thuộc triều đình Huế. Bản đồ này có lẽ là công trình cá nhân hay tập thể của sư thần Quốc sử quán là cơ quan chuyên trách về việc soạn thảo các tài liệu sử địa chính thức của triều Nguyễn trước thời Pháp thuộc.

Với bản đồ này chúng ta cũng nhận ra tổng danh Trường sa trong " Toàn tập Thiên nam tứ chi lộ đồ thư " đã trở nên biệt danh Vạn lý Trường sa chỉ thị quần đảo Trường-sa ngày nay, còn đặc danh Hoàng-sa, hậu thân của đặc danh Bãi Cát Vàng chỉ thị cách chuyên biệt quần đảo Hoàng-sa ngày nay.

(Nguồn: Tập san Sử Địa số 29. Từ trang 211 đến trang 216).

(13) Năm 1583, khi chính thức vào Trung Hoa lục địa, Matteo Ricci đã áp dụng kinh nghiệm thích ứng với Phật Giáo của các tu sĩ Dòng Tên tại Nhật. Ông cạo đầu, mặc áo cà sa. Vài năm sau, khi nhận thấy địa vị Phật Giáo tại Trung Hoa có phần thấp, việc áp dụng phương cách “thích ứng Phật Giáo” không mấy ảnh hưởng, ông đã thay đổi phương pháp, cải thành thích ứng Nho Gia: mặc y phục như các phân tử trí thức Nho Gia, tham dự các lễ tiết, học cổ văn và hơn nữa cố gắng đón nhận những lễ nghi truyền thống của Trung Hoa như cúng bái tổ tiên. Kết quả là trong tâm tư người Trung Hoa, ông trở thành một học giả Tây Phương được khắp nơi dưới thời Minh mạt, mời tham gia “Học thuật nghiên thảo hội”(Giảng hội học), thảo luận các vấn đề triết học. Cứ như thế, Matteo Ricci đã cùng các học giả Nho Gia như Từ Quang Khải, Lý Chi Tảo, và Dương Đình Quân trở thành bạn, và hơn nữa đã đưa họ vào Đạo.

(14) Thương thuyền mang ấn thư triện đỏ do Mạc Phủ cấp gọi là “Chu ấn thuyền” (Shuinsen) hay Goshuinsen (Ngự chu ấn thuyền) - ám chỉ thuyền của Mạc Phủ cử đi để phân biệt với tàu buôn của bọn “hải tặc”.

(15) Cần nhắc lại rằng cuối thế kỷ XVI đầu thế kỷ XVII, tàu buôn Nhật Bản sang Chiêm Thành, Lâm Ấp... rất nhiều để mua ngà voi, sừng tê giác, trầm hương..., vì vậy việc bản đồ có ghi thêm chữ Vạn Lý trường Sa là điều dễ hiểu!

Xin tham khảo thêm:

- Hồng Lê Thọ, Con đường tơ lụa trên biển

(Nguồn: <http://trieuxuan.info/?pg=tpdetail&id=2768&catid=7>)

- Japan early trade coin and the commercial trade between Vietnam and Japan in the 17th century

(Nguồn: <http://tripatlas.com/Nanban>)

- Gốm thương mại Việt Nam trong hành trình mậu dịch gốm sứ châu Á

(Nguồn: <http://www.iseas.org.vn/module/news/viewcontent.asp?langid=2&ID=9>)

- Vĩnh Sinh, Từ thú thượng thức trầm hương đến sự hình thành KÔ DÔ (Hương đạo) ở Nhật Bản.

(Nguồn: <http://vtunnel.com/index.php/1010110A/8edfba288a8a8bb7a9193fa49829055b6b630c630a474ebb93ad653de4d0f0c112955b58027dfffab71c0463eb24f0f02a3adad73ef32d60c487704115312>)